DƯƠNG THỊ NĂM
59 tuổi.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO ĐƠN XIN ODP

ODP.IV: ....

Date: Jan.17, 1990
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được, thì điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi bảng câu hỏi này về :

MRS KHUC MINH THÓ
PO.BOX 5435 Arlington
VA.22205-0635

U. S. A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name / Họ tên : DƯƠNG THỊ NAM — Sex / Phái : Female
2. Other Names / Ký danh khác : None
3. Date/Place of Birth / Ngày/Nơi sinh : 02.02.1958 at Tân Bình, Phụng Hiệp, Cần thơ
4. Residence Address / Địa chỉ thường trú : 982 Group I, Section II (Xóm Chài), Hưng Phú District, Cần Thơ City, Hậu Giang Province, VIỆT NAM
5. Mailing Address / Địa chỉ thư tín : Same as above.
6. Current Occupation / Nghề nghiệp hiện tại : Labor worker

B. FAMILIES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follow:married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S).)

(CHÚ Ý: Chỉ có vợ/chồng và con còn độc thân mới được quyền đi với Bạn mà thôi. Ghi rõ tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), goá phụ/goá thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAMES	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATIONSHIP
1. HÙNG THANH HÙNG	01.01.1957 Kiến Hoà	M	M	Son
2. HÙNG THANH DŨNG	18.12.1959 Kiến Hoà	M	M	Son
3. HÙNG THỊ LỆ THU	08.12.1961 Kiến Hoà	F	M	Daughter
4. HÙNG THANH SANG	05.02.1966 Kiến Hoà	M	M	Son

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorced decree (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho những người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần Giấy Khai sinh, Hôn thú (nếu đã lập gia đình), Giấy ly hôn (nếu đã ly dị), Khai tử của vợ/chồng (nếu là goá thê/goá phụ), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu những người sẽ cùng đi với bạn mà không cùng chung ngụ, xin ghi rõ địa chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Họ hàng ở ngoại quốc.

	OF MYSELF của tôi	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative in The U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ		
a. Name Họ tên :		
b. Relationship Liên hệ gia đình :		
c. Address Địa chỉ :		
d. Date of Relative's Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ :		
2. Closest Relative in Other Foreign Countries. Bà con thân thuộc ở các nước khác		
a. Name Họ, tên :		
b. Relationship Liên hệ gia đình :		
c. Address Địa chỉ :		

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)/ Danh sách toàn thể gia đình (Sống/chết)

1. Father / Cha : DƯƠNG VAN DIỆU (Dead)
2. Mother / Mẹ : TRẦN THỊ HƯƠNG (Dead)
3. Spouse / Vợ/chồng : HỒNG THANH XUÂN, born in 1928 at Vị Thanh, Can Thơ, Late Caporal
4. Former Spouse / Vợ/chồng trước (nếu có) : None
5. Children / Các con :
   (1) Hồng Thanh Hùng, 01.01.1957 Kiến Hoà, Same Address
   (2) Hồng Thanh Dũng, 18.12.1959 Kiến Hoà, id
   (3) Hồng Thị Lệ Thu, 08.12.1961, Kiến Hoà id
   (4) Hồng Thanh Sang, 05.02.1966, Kiến Hoà, id
6. Siblings / Anh chị em : (1) Dương Kim Anh, 1929. Living at Đồng Tháp

E. EMPLOYMENT WITH U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE/ Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hay Hồng Kỳ.

1. Employee Name :
   Họ tên nhân viên

   Position Title :
   Chức vụ

   Agency/Company/Office :
   Sở / Hãng / Văn phòng

   Lenght of Employment : From : To :
   Thời gian làm việc Từ tới

   Name of American supervisor :
   Họ tên giám thị Mỹ

   Reason for Separation :
   Lý do nghỉ việc

2. Employee Name :
   Họ tên nhân viên

   . . .

   Reas n for separation :
   Lý do nghỉ việc

3. Employee Name :
   Họ tên nhan vien

   . . .

   Reason for separation :
   Lý do nghỉ việc

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE/Bạn hoặc vợ/chồng đã đã công vụ với Chính phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : HÒNG THANH XUÂN
   Họ tên người tham gia

2. Dates : From : 16.03.1957 To : 08.09.1966
   Ngày tháng năm Từ tới

3. Last Rank : Caporal Mil. Serial No. : 28A/066.721
   Cấp bậc cuối cùng Số quân

4. Ministry/Office/Mil. Unit : Kiến Hoà Military Section.
   Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng

5. Name of Supervisor/C.O. :
   Họ tên Giám thị/SQ chỉ huy

6. Reason for Separation : Died in An ambush of VC at XS464.288 at
   Lý do nghỉ việc Mỏ Cày (Kiến Hoà Province)

7. Name of American Advisor(s) : Any
   Tên họ cố vấn Mỹ

8. U.S. Trainint Course in Viet Nam ?
   Chtrình huấn luyện của Mỹ tại VN.

9. U.S. Awards or Certificates
   Name of Award : Date received :
   Phần thưởng/Giấy khen ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? NO.)

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen hoặc bất cứ chứng thư, nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoại quốc.

1. Name of Student / Trainee :
   Họ tên sinh viên/người thụ huấn
2. School and School Address :
   Tên và địa chỉ trường
3. Dates : From : To :
   Ngày tháng năm Từ tới
4. Description of Courses :
   MO tả ngành học
5. Who paid for training ?
   Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if avialable. Available ? NO.)

(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chứng thư (nếu có). Bạn có không)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of person in Re-Education :
   Họ ten người đi học tạp cải tạo
2. Time in Re-Education : From : To :
   Thời gian học tạp cải tạo Từ tới
3. Still in Re-Education ? :
   Có cải tạo không ?

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi can một bản sao giay ra trại của bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS / Cước chú phụ thuộc.

My husband, Mr Hồng Thanh Xuân hab à served in the RVNAF for ten years three months and seven days.

I wish I could be granted War Dead Wife Allowance from April 75, as before.

Signature : Xuân
Ký ten

Date : January 18 1990
Ngày

J. DOCUMENTS ENCLOSED / Hồ sơ đính kèm :

1. Photocopy of my birth certificate.
2. Copies of xx birth certificates of my four children
3. Copy of my marriage certificate.
4. Copy of my husband death certificate.
5. Copy of the announcement of my husband's death.
6. Copy of my husband's military curriculum vitea.
7. Copy of Stop Granting Salary Certificate of my husbnd.
8. Photo.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

TỐI-CAO PHÁP-VIỆN
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ Sơ thẩm Kiến Hòa
(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

Ấn hiệu

BỔN SAO LỤC BỘ KHAI-TỬ LÀNG
(Extrait du registre des actes de décès de Kiến Hòa)

TỈNH Kiến Hòa (NAM-PHẦN)
(Province de) (Sud Viêt-Nam)

NĂM 1968 SỐ HIỆU 676
(Année) (Acte N°)

Tên, họ người chết. . . . Nom et prénom du défunt	Hồng thanh Hiền
Làm nghề gì . . . . . Sa profession	cựu phòng quân
Nhà cửa ở đâu . . . . Son domicile	khe 6048
Sanh ngày nào . . . . . Date de la naissance	năm 1948
Sanh tại đâu . . . . . Lieu de la naissance	Tân Hòa Kiến Hòa
Chưa vợ, có vợ hay góa bạn Celibataire, marié ou veuf (Kể tên họ người bạn) Indiques les noms du conjoint	Đang thị Hiền
Người bạn làm nghề gì. . . Profession du conjoint	buôn bán
Nhà cửa ở đâu . . . . . Domicile du conjoint	-
Tên, họ cha . . . . . Nom et prénom de son père	Hồng văn Hiền
Tên, họ mẹ . . . . . Nom et prénom de sa mère	Nguyễn thị an
Chết ngày nào . . . . . Date du décès	8-9-1966
Chết tại đâu . . . . . Lieu du décès	trước khi về tỉnh viện
Tên, họ người khai . . Nom et prénom du déclarant	hồ hồng Quyền
Người khai mấy tuổi . . Son âge	36 tuổi
Làm nghề gì . . . . . Sa profession	Trưởng Ty Y tế
Nhà cửa ở đâu . . . . . Son domicile	Kiến Hòa

Chúng tôi.....
Chánh-án Toà.....
(Président du Tribunal)
Chứng-thực hợp-pháp chữ ký của
(Attestons l'authenticité de la signature de)
Ông .....
(M.)
Chánh-Lục-sự Toà này.
(Greffier en chef dudit tribunal)

KHÔI THỊ THỰC

....., ngày ..... 19...
CHANH ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Sao y bổn chánh,
(Pour extrait conforme),

Kiến Hòa, ngày 22-2- 19 71
CHÁNH LỤC-SỰ,
(GREFFIER EN CHEF),

Giá tiền 112/10/m
Coût
Biên-lai số .....
Quittance n°

Lê ngọc Lân

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
République du Việt-Nam

TỐI-CAO PHÁP-VIỆN
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA [redacted]
GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HỘN-THÚ NĂM [redacted] **(BỰC** [redacted] **)**
Extrait du registre des [redacted] de l'année [redacted] (degré)

LÀNG [redacted] **TỈNH** [redacted] **(NAM-PHẦN)**
du village de [redacted] Province de [redacted] (Sud Việt-Nam)

NĂM [redacted] *SỐ HIỆU* [redacted]
(Année) (Acte No)

Tên, họ người chồng ..... Nom et prénom de l'époux	[redacted]
Sanh tại chỗ nào ..... Lieu de la naissance	[redacted]
Sanh ngày nào ..... Date de la naissance	[redacted]
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	[redacted]
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	[redacted]
Tên, họ người vợ ..... Nom et prénom de l'épouse	[redacted]
Vợ chánh hay vợ thứ ..... Son rang de femme mariée	[redacted]
Sanh tại chỗ nào ..... Lieu de la naissance	[redacted]
Sanh ngày nào ..... Date de la naissance	[redacted]
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) .. Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	[redacted]
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) .. Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	[redacted]
Ngày kết hôn ..... Date de mariage	[redacted]

Chúng tôi _____
Nous
Chánh-án Toà _____
Président du Tribunal de
chứng cho hợp - pháp chữ ký của
certifions l'authenticité de la signature de M.
ông _____
Chánh Lục-Sự Toà-Án sở tại.
Greffier en Chef dudit tribunal.

_____, *ngày* _____ *19* _____
CHÁNH-ÁN,
LE PRÉSIDENT,

Trích y bổn chánh:
Pour extrait conforme:

[redacted] *ngày* _____ *19* _____
CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF,

Giá tiền [redacted]
Coût
Biên lai số _____
Quittance No

Ký chồng số khai sinh con từ sinh lần con chính thức 1- Hồng Kỳ Kỳ, sinh năm 1959 tại xã Kỳ Thượng Châu. 2- Hồng Thanh Hằng, sinh ngày 1-11-1957 tại An Kỳ Kiêm. 3- Hồng Thanh Hằng, sinh ngày 18-08-1959 tại xã Tiên Thủy Quận Tân Long Kiêm. - Hiện nên hai số.

Chiếu đơn vào số 2954/dtn ngày 6-7-1967 của HHTQ Kiêm. Phần riêng: Trong đó hôn thú số 36 năm 1959 xã Tiên Thủy Kiêm của Hồng Thanh Hằng.- Kết khuyến tên ký con chồng trước gọi là Hồng văn Thế nay đổi lại là Hồng văn Sáu.

Kiêm, ngày 1-10-67

Chánh Lục-sự

Ký tên và đóng dấu

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

TRÍCH LỤC-SỰ TOÀ H.G.R.Q. KIẾN HOÀ

(Extrait du registre de ..... de .....)

BẢN TRÍCH-LỤC LỘ KHAI-SANH số Tiên-thủy
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Kiến-hoà (NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

Quyết án văn số 599-DN ngày 20-7-62 Toà H.G.R.Q. Kiến-hoà, phán rằng: Hồng thanh Đông (đã có khai sanh số 304 số Tiên-thủy (Kiến-hoà) là con tự-nhiên chính thức hợp của Hồng-thanh-Xuân và Dương-thị-Hằm./.
Kiến-hoà, ngày 16-10-1962
Chánh Lục-sự
ký-tên
Trần văn Kiều

NĂM 1959 (Année) — SỐ HIỆU 304 (Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Hồng-thanh-Đông
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	ngày 16-12-1959
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tiên-thủy Hàm-long Kiến-hoà
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Hồng-thanh-Xuân
Nhà làm nghề gì (Profession du père)	quân-nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Lộ Bắc-an KH.2 Hàm-long
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Dương-thị-Hằm
Nhà làm nghề gì (Sa profession)	nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Lộ Bắc-an KH.2 Hàm-long
Con chánh hay vợ thứ (Enfant légitime ou naturel)	----

Chúng tôi, Phạm văn Ấu
(Nous)
Chánh-án Toà H.G.R.Q. Kiến-hoà
(Président du Tribunal)
Chứng chỉ bản-sao chữ ký tên của Trần văn Kiều
(Certifions la signature de)
Ông
(M.)
Chánh Lục-sự Toà-án sở tại,
(Greffier en chef du tribunal)
Kiến-hoà, ngày 5-12-62
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),
Phạm văn Ấu

Trích y bổn chánh,
(Pour extrait conforme),
Kiến-hoà, ngày 5-12-62
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),
Trần văn Kiều

Giá tiền :
(Coût)
Biên-nhận số
(Quittance N°)

Số hiệu 2699

KHAI SANH

Tên, họ ấu nhi: Hồngthị-Lệ-THU

Phái: Nữ

Sanh (Ngày, tháng, năm): Tám tháng mươi hai năm 196I

Tại: Bảo sanh Tạ-thị-Hai Kiếnhòa

Cha (Tên, họ): Hồng-thanh-Xuân

Tuổi: Ba mươi ba tuổi

Nghề: Quân nhân

Cư-trú tại: Anhội Kiếnhòa

Mẹ (Tên, họ): Dương-thị-Năm

Tuổi: Ba mươi một tuổi

Nghề: Buôn ban

Cư-trú tại: Anhội Kiếnhòa

Vợ (chánh hay thứ): Vợ chanh

Người khai (Tên, họ): Hồng-thanh- Xuân

Tuổi: Ba mươi ba tuổi

Nghề: Quân nhân

Cư-trú tại: Anhội Kiếnhoa

Ngày khai: 8 tháng 12 năm 196I

Người chứng thứ nhứt (Tên, họ): Nguyễn-văn-Thuận

Tuổi: Hai mươi lăm tuổi

Nghề: Làm ruộng

Cư-trú tại: Anhội Kiếnhòa

Người chứng thứ nhì (Tên, họ): Nguyễn-văn-Đại

Tuổi: Ba mươi một tuổi

Nghề: Quân nhân

Cư-trú tại: Anhội Kiếnhòa

Lập tại xã Anhội, ngày 8 tháng 12 năm 196I

Người khai, Ký tên: Xuân

Hộ-lại, Ấn ký: Nguyễn-văn-Mạnh

Nhân-chứng, Ký tên: Thuận, Đại

SAO LỤC Y BỘ ĐỐI
Anhội ngày 11-12-196I
Hội-viên Hộ-tịch.

Nguyễn-văn-Mẹo

Chứng thật chữ ký trên đây của ông Nguyễn-văn-Mạnh Hội-viên Hộ-tịch xã Anhội/ Đại diện xã

Nguyễn-văn-Mẹo

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Việt-Nam

TỐI-CAO PHÁP-VIỆN
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Sơ thẩm Kiến-hòa

GREFFE DU TRIBUNAL DE .....

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH An hội Kiến-hòa

(Extrait du registre des actes de naissance)

..... (NAM-PHẦN)
(Sud Việt-Nam)

NĂM 1966 *(Année)* SỐ HIỆU 324 *(Acte No)*

Tên, họ đứa con nít. . . . . *(Nom et prénom de l'enfant)*	Hồng Thanh Sang
Nam, Nữ . . . . . *(Sexe de l'enfante)*	Nam
Sanh ngày nào . . . . . *(Date de naissance)*	5-2-1966
Sanh tại chỗ nào . . . . . *(Lieu de naissance)*	Bảo sanh Tỷ thị Sud Kiến-hòa
Tên, họ Cha . . . . . *(Nom et prénom du Père)*	Hồng Thanh Xuân
Cha làm nghề gì . . . . . *(Sa profession)*	quân nhân
Nhà cửa ở đâu . . . . . *(Son domicile)*	[illegible]
Tên, họ Mẹ. . . . . *(Nom et prénom de la Mère)*	[illegible]
Mẹ làm nghề gì. . . . . *(Sa profession)*	buôn bán
Nhà cửa ở đâu . . . . . *(Son domicile)*	An hội Kiến-hòa
Vợ chánh hay thứ . . . . . *(Son rang de femme mariée)*	vợ chánh

Chúng tôi .....
(Nous)
Chánh án Tòa .....
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông .....
(M.)
Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en Chef du Tribunal).
....., ngày ..... 19....

CHÁNH ÁN
(LE PRÉSIDENT),

Giá tiền 10/10
(Cost)
Biên lai số
(Quittance No)

Trích y bổn chánh :
(Pour extrait conforme)

Kiến-hòa, ngày 2 tháng 19 72
CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF).

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
CHÁNH-LỤC-SỰ Nguyễn Văn Lân
TÒA SƠ-THẨM KIẾN-HÒA

KHAI SANH

Số hiệu _____

2040.

To khai nhin đua nhc la con
ru sinh cua toi va cua Duong-
thi-Kon va hang long cho no lay
hao ho dan ./.

Ky ten : Xuan

SAO LUC Y NGUYEN BAN

An Hoi ngày 26 thang 2-1962.

Hoi-Vien Ho-Tich

NGUYEN-VAN-HANH

Chung that chu ky tren
day cua ong Hoi-Vien Ho-Tich

DAI DINH XA

Nhan thao chi ky gia
Hội đồng xã An Hội
Trưởng Ban Hành Chánh
Ngày 3-3-1962
VIỆT-NAM CỘNG HÒA
NGUYỄN-TRƯỜNG

Tên, họ ấu nhi : _____

Phái : Hoang-Thanh-Tung

Sanh : Kon
(Ngày, tháng, năm)

Tại : Mot thang muoi mot nam mot ngan chin tram nam muoi (bay)

Cha : Bao-Thanh Kiem - Kon.
(Tên, họ)

Tuổi : Hoang-Thanh-Xuan

Nghề : Hai muoi chin tuoi

Cư-trú tại : AN-HOI

Mẹ : Tien - Thuy (Kiem - Kon)
(Tên, họ)

Tuổi : Duong-Thi-Kon

Nghề : Hai muoi bay tuoi

Cư-trú tại : HO-LAI

Vợ : Tien - Thuy (Kiem - Kon)
(chánh hay thứ)

Người khai : _____
(Tên, họ)

Tuổi : Hoang-Thanh-Xuan

Nghề : Hai muoi chin tuoi

Cư-trú tại : AN-HOI

Ngày khai : Tien - Thuy (Kiem-Kon)

Người chứng thứ nhứt : _____
(Tên, họ)

Tuổi : Huynh-Thi-Hoang-Xuan

Nghề : Kon muoi chin tuoi

Cư-trú tại : Ho - Binh

Người chứng thứ nhì : Ho-lai Bao-Tam Kiem-Kon
(Tên, họ)

Tuổi : Tran-Thi-Kon

Nghề : Ba muoi tuoi

Cư-trú tại : Ho - Binh

An-Hoi Bao-Hoa Kiem-Kon

Lập tại xã _____, ngày _____ 195__

Người khai, An-Hoi *Hộ-lại,* 26 thang 2 *Nhân-chứng,*

Ky ten : Xuan Ky ten : Nguyen-van-Hon Ky ten : Xuan

ĐĐ/HQTV/KIEN-HOA

ĐƠN-VỊ: KBC.6.150

TẠI: 0025/ĐĐ/HQTV/KH/BTN.

CHỨNG CHỈ THÔI TRẢ LƯƠNG

Chúng tôi (1) Thiếu-Úy NGUYỄN-NGỌC-ÂN Sỹ-quan Cải-Chánh/ĐĐ/HQTV/KH

Chứng nhận rằng Ông (2) Cố JS HỒNG-MINH-KHÁN sq 56.721 thuộc ĐCH/ĐIQ KIEN-HOA tử thương ngày 08-09-1966.

đã được trả lương đến ngày 30-09-1966 trọn

Tình-trạng gia-đình (3) I vợ 05 con

Trật Bậc 3 lương 5.5 IđIO tại năm quân-dịch

Lý do thành-lập bản chứng-chỉ này (lệnh thuyên-chuyển và tham-chiếu)

TC. Đơn xin đc ngày 12-10-1966 của Bà NGUYỄN-THỊ-MAI là vợ chánh thức của cố tử sỹ.

Lương chính JS	I.500đ00
Phụ-cấp gia-đình JS	896đ00
Phụ-cấp gia-đình	I.851đ00
Phụ-cấp đắt-đỏ tăng khoan 30/100	I.274đ10
Phụ-cấp nhà ở	
Phụ-cấp sai-biệt	/
Phụ-cấp quân-trang đầu tiên	
Phụ-cấp đâu-quân, tái đăng	/
Tiền thưởng lương dịp Tết	
Tiền ăn JS	
Ghi nhớ tiền thuế lương bổng	
Ghi nhớ tiền tem	
Lương căn-bản	
Tiền hưu liễm	
Trợ-kim ngân-sách	

Đương-sự không còn nợ gì nữa hay còn thiếu tiền Không $

về việc đã trả cho Ông K.B.C. (4)

Đã lãnh xà-bông theo tỷ-lệ gam đến ngày trọn.

Tại KBC.6.150 ngày 20 THÁNG 1966

BẢN ĐÍNH KÈM:

Bà ~~DƯƠNG-THỊ-MAI~~ "đơn tùy nghi"

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BAN TÀI-NGÂN

NƠI NHẬN:

(1) Tên và cấp

(2) Tên họ và cấp bậc

(3) Bắt buộc ghi tuổi các con.

(4) Xóa những chữ vô ích.

VIET NAM CONG HOA
BO QUOC PHONG
BO TONG TAM MU LUEN
BO CHI HUY TRUNG UONG BPQ-NQ
BO CHI HUY BPQ-NQ VUNG 4/CT
BAN CHI HUY BPQ-NQ KIEN HOA
-:-:-:-
So : 2017 /BCH/BPQ-NQ/KH/PTV.
AB : A 34 - 21

BIEN BAN BAO CAO TA THAI

01

Ho va ten : HONG THANH NHAN
Cap bac : Ba Si So quan : 202/064.721
Binh chung : Dia Phương Quan.
Don vi : Chi Doi Co Giới thuoc BCH/BPQ-NQ Kien Hoa.
Ngay va noi sinh : Nam 1928 tai An Binh (Can Tho)
Dia danh :
Hoi, ngay, nguyen do va nhu : Vao lue 13 gio 30 ngay 08-09-1966 Chi Doi Co Giới no dang yen tro tiep to cho Chi Khu Ho Quy (Kien Hoa) khi dem xe di chuyen den XB. 464.200 thuoc Ap Tan Long, xa Tan Thanh Binh, quan Ho Quy (Kien Hoa) chom phai min Viet Cong gay cho y binh tu trun trung khi thi hanh cong vu (TH/20 so 209 ngay 05-09-1966 cua Chi Doi Co Giới).
Thon hoac va dia chi cua nguoi than ban : Cha : O. HONG VAN SAU, xa An Binh (Can Tho).
Tuoi luong : Loai I
Thoi gian cong vu : 10 nam, 03 thang, 07 ngay.
Ngay va noi nhap ngu : Ngay 09-09-1966 gia dinh mai tang tai Nghia Trung xa An Binh (Can Tho)
Quy trach cong vu : Duoc quy trach vi cong vu./-

KBC. 6.048, ngay 07 thang 10 nam 1966
Thieu Ta NGUYEN VINH PHU
Chi huy Truong BPQ-NQ Tinh Kien Hoa
(Ky ten va dong dau)

SAO Y BAN CHANH : KBC. 4245, ngay 9 thang 11 nam 1966
Trung-Si NGUYEN-PHUT-DAT
Tham-Tra-Trung kien Tieu-Khu-Trung Kien Hoa
THIEU-TA NGUYEN-VINH-PHU
Tham-Tra-Trung kien Si-quan Bao-ton BPQ-NQ.

ỦY O I - ỦY B A N

- Bí Thư Đảng TU/[illegible] . . . . . KBC. 6001
  (Phòng . . . . . 03 bàn)
  (Phòng Tổng Quản Trị . . . . 04 /)
- Bộ Chỉ Huy BQGHC/V4CT . . . . . KBC. 6031
  (Phòng 1 . . . . . 03 /)

Và Ninh Hòa Bình và Nhà Ngân Hàng Quốc Gia Bộ Nội Phòng Quốc

- Sở An Ninh . . . . . 01 / . . KBC. 6003
- Sở Tài Ngân . . . . . 01 / . . KBC. 6001
- Ông Chánh Sở Vô Tuyến BOTQ/BTL/V4CT . 04 / . . KBC. 3407
- Nhà Cảnh Sát Quốc Gia và phân Bình . . 01 / . . KBC. 4570

" **Và Ninh Hòa** "

- Ông Bộ . . . . . .
- Đại Đoàn BOTV Liên Hoàn . . . . . KBC. 6150
  (Ban Tuyên Chuyền . . . . . 04 /
  (Ban Quân Vụ. . . . . 01 /
  (Ban Tiếp Liệu . . . . . 01 /
- Ban An Ninh BTQLVNCH Liên Hoàn . . . . 01 /

" **Và Huy Nhật** "

- Hồ Sơ.
- L u H.

B2/CMND/Sa.

///

- LAO VA QUAN VU

Hồng thanh nhân — Hạ sĩ

28A/066.721

CUA : — CAP BAC :

- CO QUAN :

Hồng Thanh nhân — Tuyên

/ N O - T I E N 1928 — / T R U N G - M A O /

- HO VA TEN :	Tôn Bình	- MAT	: Thường
- NGAY, NAM SANH :	Cần Thơ	- TOC	:
- NOI SANH (XA) :	Hồng vĩnh Sơn	- TRAN	: Thường
- QUAN :	Ngô TÔN thị Yến	- MAT	:
- CON CUA ONG :	Tôn Bình	- MUI	: 37
- VA CUA BA :		- MOM	:
- HIEN CUNGU TAI :		* BE CAO 1 THUOC	
- QUAN :	TINH :	/ DAU - DAC - BIET /	

- CUOI VO GAY : — GIAY PHEP KET HON SO :

- SO CON : DAM DUONG : — TRAI : — GAI :

/ Q U A N - V U * L I E N - T I E P /

nhì K/t ngày 16-3-1957 do QĐ số 1811/TQ/NV ngày 14-9-57 Thăng cấp Binh nhì nhất K/t ngày 1-2-1963 do QĐ số 003/P/QĐ/BA ngày 31-01-1963 . Thăng cấp Hạ sĩ K/t ngày Bảo an Đồn biên giới thành E.P.2 do SL số 159/P ngày 7-5-64 của Tỉnh Đoàn Thành Phố VINH . Thăng cấp Hạ sĩ K/t ngày 01-11-1966 do QĐ số 249/BCH/TT/HQ/HQ/TQT/P/QĐ ngày 1-04-1966 Xử lý trận Đồng 08-12-1966 Trong khi Chi Đội Cơ Giới Mỏ đường vòng trợ tiếp tế cho Cát Phú Mỏ Cày khi đi chạy chuyển đến xã Tân Thành Bình, Quận ở Cây Tỉnh Kiến Hòa bị chặn phát Địa VC Y.B. gây cho Y Bình Hi tuyến trong Khi thi hành công vụ , do tờ bản tin báo cáo tử thế số 8817/BCH/HQ/HQ/KH/PNV ngày 07-10-1966 ./.

/Q U H - V U A L I E N T I E P/ (tiep-theo)

/-

/-

/-

/?T H U O N G - T I C H/

/C H I E N H - G I C H/

/HUI-CHUONG * TUONG-LUC VA TUYEN-DUONG CONG-TRANG/

K H O N G

K H O N G

KBC ,6.150 ngay , thang nam 196

Trung-Uy MAI-VAN-KINH
Si Quan Quan Tri Jo Phieu
22 12 7

KBC , 6.150 ngay thang nam 196

22 12 7

NGUYEN-CANH-TU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH Bình Long
QUẬN Bình Minh
XÃ Thanh Lợi

TỜ KHAI GIA-ĐÌNH Số

Ấp Thủ
Số nhà
Số Liên-gia 112/2
Đường KHU-2

LÝ-LỊCH GIA-TRƯỞNG

Họ và tên DƯƠNG THỊ NHÀM
Đoàn thể
Tôn giáo PHẬT
Nghề nghiệp LÀM RUỘNG

Loại kiến-trúc : Lá, ngói, Fibro ciment, lầu (bỏ chữ không dùng)

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Nam hay Nữ	Ngày tháng năm sanh	Nơi sanh	THẺ CĂN-CƯỚC Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Nghề-nghiệp	Liên hệ thân tộc với gia-trưởng
1	Dương Thị Nhàm		1931		022072	3-6-64	Thủ Giang LK		GTR
2	Hồng Thanh Hùng		1957	Kiến Hòa					Con
3	Hồng Thanh Xuân		1952	"					"
4	Hồng Thị Lệ Thu		1961	"					"
5	Hồng Thanh Sang		1966	"					"
6									"
7									
8									
9									
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									
18									
19									
20									

Gia-trưởng nhận khai đúng sự thật.

..... ngày ..... tháng ..... năm 197...

TRƯỞNG-ẤP,

BAN TRỊ SỰ ... NGUYỄN ...

Tổng kết số người trong nhà

	NỮ	NAM
Từ 1 đến 12 tuổi		
Từ 13 đến 15 tuổi		
Từ 16 đến 17 tuổi		
Từ 18 đến 38 tuổi		
Từ 39 đến 50 tuổi		
Từ 51 tuổi trở lên		
CỘNG		

CHỨNG THẬT :

Thanh Lợi, ngày 7 tháng 12 năm 197 0

XÃ-TRƯỞNG,

ỦY-BAN HÀNH-CHÁNH

CƯỚC CHÚ : Mỗi khi có sự thay đổi về số người trong gia-đình (đi nơi khác, mới đến, chết ... gia chủ phải khai với Ủy Ban Hành-Chánh Xã hay Cảnh-Sát Trưởng sở tại. Gia chủ có trách nhiệm về sự khai báo để cho tờ khai tác ... cũng phải hợp với hiện tình và lúc nào cũng phải sẵn sàng trả lời về trường hợp vắng mặt hay có mặt các người trong nhà khi nhà cầm quyền cần biết nguyên do. Những gia chủ không khai hoặc khai không thành thật, không treo bản số hay không ... cấp số nhà sẽ bị trừng phạt vi cảnh và có thể bị truy tố theo luật lệ hiện hành.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH KIẾN-HÒA

Trúc-Giang, ngày 21 tháng 1 năm 19 69.

Số : 160 /NA/QV/3

TỈNH-TRƯỞNG KIẾN-HÒA

Kính gởi : Bà Dương-Thị-Năm
cư ngụ tại Trại Gia-Binh Đinh Tiên-Hoàng Ấp 8 CT
Thủ Khoa Huân

Có giấy

(Nhờ Quận Trúc-Giang chuyển giao)

Trân trọng mời ~~Ông~~, Bà đến Tòa Hành-Chánh (Ty Nội-An Quân-Vụ) Kiến-Hòa, để nhận lãnh sổ Cấp-Dưỡng QGNT của ~~Ông~~, Bà.

Khi đến nhận lãnh sổ, ~~Ông~~, Bà hãy mang theo thẻ căn cước có dán ảnh cùng các giấy tờ cần thiết khác để chứng-minh (mẫu đính kèm) :

- 1 giấy chứng-nhận
- 3 [illegible] chung
- 2 [illegible]

Các giấy tờ nầu trên do Ủy-Ban Hành-Chánh Xã cấp và phải được Quận hay Tỉnh thị thực ./-

TL. TỈNH-TRƯỞNG,
KT. PHÓ TỈNH-TRƯỞNG,
TRƯỞNG-TY NỘI-AN/QUÂN-VỤ

PHẠM-CÔNG-NÊN

[illegible]

[illegible]

[illegible] change of name [illegible]

[illegible]

[illegible]

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP LÂM-PHÀN

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SƠ THẨM PHONG DINH

Ngày 2 tháng 2 năm 1967

Số 5090

Án thế-vì khai-sanh cho

Dương-thị-Năm

Toà PHONG DINH xử về việc Hộ trong phiên nhóm công khai ngày 2 tháng 2 năm 1967 gồm có các ông:

Chánh-Án : Trần-chí-Hòa

Biện-Lý : Vo-minh-Huệ

Lục-Sự : Nguyễn-thị-Cúc

đã lên bản án như sau:

BẢN ÁN TOÀ ÁN:

Chiếu theo đơn của Dương-thị-Năm xin án thế-vì khai-sanh cho đương sự

BỞI CÁC LẼ ẤY:

Chứng nhận

Phán rằng:

-Dương-thị-Năm, nữ, sanh ngày 2-2-1931 tại xã Tân-Bình (Cầnthơ) con tư sanh của Dương-văn-Hiệu và Trần-thị-Hương ./--

---

Phán rằng án này thế-vì khai-sanh cho Dương-thị-Năm

Dạy ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên tại xã Tân-Bình Phong-Dinh

và lược biên án này vào lề tờ khai-sanh gần nhứt ngày 1931 tại xã giữ lại lưu-trữ công-văn và Phòng Lục-Sự Toà-Án sở

Dạy nguyên-đơn chịu hết án phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.

Ký tên: Trần-chí-Hòa và Nguyễn-thị-Cúc

Trước-bạ tại Cầnthơ ngày 3-4-1967

Quyển 19 Tờ 54 Số 245/50

Thâu: (240$00)

BL.286I

GIÁ TIỀN	
Con niêm	20$00
Bổng lộc	5$00
Biên lai	0$50
Cộng chung	25$50

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

Cầnthơ ngày 6 tháng 5 năm 1967

CHÁNH LỤC-SỰ,

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA CON NIÊM 20$00

%) %— %/

/)/ G H I - /_) I N H

CHUẨN CẤP CẤP DƯỠNG QUA PHỤ
TÍNH VIỆN TẠM THỜI CHUYỂN QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG QUẢN

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ CỰU CHIẾN BINH
NHA HỮU BỔNG VÀ CẤP DƯỠNG

SỐ 1946 /CCB/HBCD/CD2

TỔNG TRƯỞNG CỰU CHIẾN BINH

Chiếu Dụ số 22 ngày 15-11-52 ấn định chế độ tổng quát cấp-dưỡng binh sĩ tàn phế cho các quân nhân trong quân đội Quốc Gia Việt Nam và những người kế quyền của họ.

Chiếu nghị định số 258-Cab/AGIG ngày 22-4-53 qui định những điều khoản cần thiết để thi hành Đạo dụ số 22 ngày 15-11-52 và các nghị định kế tiếp.

Chiếu sắc lệnh số 311-a/QP ngày 21-10-64 áp dụng chế độ tổng quát cấp dưỡng binh sĩ tàn phế của quân nhân trong quân đội VNCH cho quân-nhân ĐPQ.

Chiếu Nghị định số 4193/QL/TC/TT/Đ ngày 31-12-64 phân định các giá biểu cấp dưỡng cho ĐPQ.

Chiếu hồ sơ xin cấp dưỡng của Bà :

Quả phụ Ông :

%)/ G H I - %_) I N H

ĐIỀU THỨ NHẤT : Bà DƯƠNG THỊ NAM
NGUYỄN THÀNH XUÂN
sinh ngày tại
quả phụ Ông số quân
cấp bậc đơn vị thuộc
đã ngày NHẬP NGŨ
được hưởng cấp DƯỠNG TRỢ từ ngày đến ngày
một cấp dưỡng định theo giá ngạch :
số tiền cấp dưỡng chính, phụ khoản và phụ cấp gia đình tính hằng năm là:
từ trận 8.9.65
15.5.67
truy lĩnh 1 năm

LIỆT KÊ TỪNG KHOẢN NHƯ SAU : CẤP DƯỠNG TÍNH THEO CẤP BẬC .....

Từ 15.5.67 đến 5.3.69 HAI MƯƠI BỐN NGÀN HAI TRĂM SÁU MƯƠI TÁM ĐỒNG (24.268,-)
từ 6.3.69 HAI MƯƠI MỐT NGÀN BẢY TRĂM CHÍN MƯƠI BA ĐỒNG (21,793,-)

	đến con	đến con	đến con	đến con	đến con
Cấp dưỡng chính (giá biểu	15.5.67	6.3.69			
	5.3.69				
Phụ khoản gia đình..	5	4			
Trợ cấp gia đình thường....	1.[illegible]	1.[illegible]			
TỔNG CỘNG :	6.397,—	5.246,—			
	5.[illegible]	5.[illegible]			
	24.268,—	21,793,—			

ĐIỀU THỨ HAI : Ông Giám đốc Cựu Chiến Binh và Giám đốc Nha Hữu Bổng và Cấp Dưỡng tân hành nghị định này.-

SAIGON, ngày 5 tháng 6 1969

TUQ. TỔNG TRƯỞNG CỰU CHIẾN BINH
Đại Tá LƯ CHÂU THIỆN
GIÁM ĐỐC NHA HỮU BỔNG VÀ CẤP DƯỠNG

[illegible]-GHI-[illegible]-ỊNH
[illegible]-CẤP CHỢ-CẤP
-+++-
QUỐC-GIA [illegible]-TỰ.
-++[illegible]++-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG VÀ CỰU CHIẾN-BINH
-+++-
NHA CỰU CHIẾN-BINH
NHÀ HƯU-BỔNG VÀ CẤP-DƯỠNG
-+++-
Số : 9018/CB/HBCD/CD

BỘ-TRƯỞNG-ĐỐC CỰU-CHIẾN-BINH

- Chiếu Sắc-lệnh số 72/CP ngày 24.7.63, ấn-định tổ-chức và điều-hành Quốc-Gia Phụ-Cấp Cựu-Binh.
- Chiếu Sắc-lệnh số 5/CP ngày 13.1.66 sửa đổi điều 15 Sắc-lệnh 72/CP ngày 24.7.63.
- Chiếu Nghị-Định số 245/QNB/CP ngày 7.4.1960, ấn-định giá-biểu cấp-dưỡng Quốc-Gia Phụ-Cấp.
- Chiếu hồ-sơ cấp-dưỡng của Ông hay Bà : DƯƠNG THỊ KIM

[illegible]-QUYẾT-[illegible]ỊNH
-+++-

Điều thứ nhất.- Ông hay Bà

Sinh ngày _____ tại DƯƠNG THỊ KIM
mang thẻ căn-cước (hoặc _____) số _____
cấp tại _____ ngày 26974
hiện ở tại THỦ ĐỨC 3.5.67
Được [illegible] gia-đình _____ trẻ _____
Con cái _____ 5
Cao-độc [illegible] Quốn-số 056721
Đơn vị _____
được lãnh trợ-cấp kể từ tháng 12 năm 1968 cho đến khi Quốc-Gia Phụ-Cấp có lệnh sau đây.
Hồ-sơ số _____

Số TT	Họ và tên C.C.L.T.	Ngày sinh	Tân-Tòng Nhàn-nhận	được hưởng đến	Cước Chú
1					
2	NGUYỄN THỊ KỲ LÊ	6.5.51	1.55	5.5.69	
3	NGUYỄN THANH HÙNG	[illegible].1.57	25.3.67	31.1[illegible].75	
4	NGUYỄN THANH DŨNG	1[illegible].12.59		17.12.77	
5	NGUYỄN THỊ LỆ THU	[illegible].12.61		7.12.79	
6	NGUYỄN THANH HẢI	5.2.65		4.2.[illegible]	
7					
8					
9					
10					
11					

Điều thứ hai.- Tổng Giám-Đốc và Giám-Đốc Hưu-Bổng và Cấp-Dưỡng chiếu nhiệm-vụ thi-hành nghị-định này./-

Saigon, ngày 31 tháng 12 năm 1968
T.U. TỔNG GIÁM-ĐỐC CỰU CHIẾN-BINH
Giám-Đốc Hưu-Bổng Và Cấp-Dưỡng

Đại-Tá LÊ CHÂU-THIỆN

From : DƯƠNG THỊ NAM
982 Tổ I, Khu vực II (Xóm Chài)
Phường Hưng Phú,
Thành Phố Cần Thơ, Hậu Giang
VIỆT NAM

BƯU QUAN
14 2.90

VIỆT NAM
9998 đ
BƯU ĐIỆN

MÁY BAY
PAR AVION

BƯU QUAN
246/5

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA.22205-0635
U. S. A.

FEB 2 6 1990

22700

QUAN-S
14.2.90
0250

VIET NAM
9998 đ

QUAN-S
14.2.90
0250

NAM
2774 đ